TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 16-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh - Cán bộ hưu trí thị trấn Kbang, huyện Kbang;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi - Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Kbang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm Cng khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Đ Văn Đ, sinh năm 1990, tại xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Con ông Đ Văn D và bà Đ Thị Y; bị cáo có vợ là Đ Thị L và 01 con sinh năm 2016.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo*:** Ông Nguyễn Thành T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Đ Thị V, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đ Thị C, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đ Văn N, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đ Thị L, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại*:** Ông Huỳnh Văn K - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Đ Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Đ Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Đ Thị P, sinh năm 1974; nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Chị Đ Thị Ấ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Người phiên dịch: Ông Nguyễn Đình N - Địa chỉ: Làng C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 09/11/2018, Đ uống rượu cùng với vợ là Đ Thị L và Đ Văn C ở tại nhà Đ, uống khoảng trên 01 lít rượu. Đến 17 giờ cùng ngày thì cả 03 người đi đến nhà Đ Văn C tiếp tục uống rượu và có thêm 02 người nữa ngồi uống cùng là Đ Thị N (vợ C) và Phạm Văn K. Đến khoảng 19 giờ, vì đã uống nhiều rượu nên Đ gây sự cãi nhau với vợ và gây gổ với Khố, Đ dùng cái N dây thun bắn một viên sỏi trúng vào bụng của Khố thì Khố bỏ chạy về nhà. Lúc này, Đ cầm cái đĩa đựng thức ăn ném xuống nền nhà, đĩa bị vỡ; khi đó ông Đ Văn N ở gần nhà bên nghe thấy đi sang đứng ở ngoài cửa hỏi Đ *"Có việc gì đấy?"* thì Đ chạy ra túm cổ áo ông N kéo vào trong nhà, do Đ kéo mạnh làm ông N bị ngã úp mặt xuống nền xi măng; Đ nâng mặt ông N lên thì thấy ở trán ông N chảy nhiều máu, Đ cởi áo thun đang mặc ra lau máu cho ông N rồi đi về nhà, một lát sau thì Đ quay lại xem thế nào.

Sau khi Đ bỏ đi, ông N đứng dậy đi về nhà cháu dâu (là chị Đ Thị V) thì gặp bà Đ Thị L (là em gái của ông N), bà Liên dìu ông N vào nhà chị V rồi ông N kể lại sự việc cho bà Liên và chị V nghe. Sau đó bà L và chị V cùng đi đến nhà C để hỏi rõ sự việc thì gặp Đ ở sân nhà Chi. Chị V có hỏi Đ *"Sao mày đánh chú N, ông già rồi?",* nghe xong Đ không nói gì mà bỏ đi thì bà L có nói *"Để gọi Bá K đánh, mày biết đó"* (Bá khen là con trai bà L và là chồng của chị V). Đ nghe xong cho rằng chị V nói sẽ gọi người đánh mình nên Đ đã đi về nhà lấy 01 con dao nhọn, loại dao tự chế dài 48cm, lưỡi dao bằng kim loại đầu nhọn dài 33cm cầm trên tay đi quay lại mục đích là nếu có ai đánh mình thì sẽ dùng dao chém.

Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Đ đang đi trên đường bê tông của làng thì thấy chị V đang ngồi ở sàn gỗ sát cửa nhìn vào nhà chị Đ Thị P, mặt phải của chị V ở phía vách gỗ. Đ đã đi đến đứng ở phía sau lưng chị V, nhìn thấy Đ chị V tiếp tục nói *"Ông già chảy nhiều máu, xuống nhà mà xem. Đ đánh ông làm gì,*

nếu bố Đ bị đánh thì có tội không?", nghe chị V nói vậy Đ bực tức nói lại *"Cái mồm nói nhiều, thích chơi à"* rồi chạy lại chém chị V 04 nhát: tay phải Đ cầm dao dơ lên chém từ phía sau xuống 01 nhát vào đầu chị V, bị đau chị V đưa tay lên ôm đầu thì bị Đ chém nhát thứ 02 trúng vào mu bàn tay trái, Đ tiếp tục chém nhát thứ 03 chéo xuống vào cẳng tay trái chuôi dao trúng vào vai, chém nhát thứ 4 trúng vào đùi trái. Thấy vậy chị C đứng gần đó dùng tay phải nắm tóc chị V kéo ra thì bị Đ chém 02 nhát trúng vào mu bàn tay phải và lòng bàn tay phải, bị đau chị C kêu la thì Đ cầm dao bỏ chạy, một số người dân trong làng nghe thấy đã đuổi theo bắt giữ được Đ. Khi Đ chém chị C thì lưỡi dao gây thêm 01 vết thương nữa tại mặt trong cổ tay trái của chị V. Sau khi bị Đ chém chị V và chị C bị thương nặng, được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện huyện Kbang rồi chuyển đến điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, đến ngày 16/11/2018 thì được ra viện.

Nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Cng an huyện Kbang đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, thu thập các chứng cứ liên quan vụ án xác minh, điều tra làm rõ vụ việc.

Vật chứng thu giữ được gồm: 01 (một) con dao tự chế dài 48cm, cán bằng gỗ 2 đầu bọc kim loại dài 15cm; lưỡi dao bằng kim loại có đầu nhọn dài 33cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 4,5cm.

Ngày 02/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Cng an huyện Kbang đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi T tâm Pháp y tỉnh Gia Lai để giám định pháp y về thương tích, mức độ tổn hại sức khoẻ của các bị hại Đ Thị V, Đ Thị C.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 18/2019/TgT ngày 25/01/2019 của T tâm Pháp Y Tỉnh Gia Lai đối với Đ Thị C xác định:

- Hai sẹo vết thương phần mềm ảnh hưởng thẩm mỹ: Một vết thương mu bàn tay phải kéo dài từ gốc xương bàn V xuống đến đốt gần ngón III bàn tay phải kích thước (10,5x 0,2)cm và một vết giữa lòng bàn tay phải dọc theo xương bàn IV kích thước (2,5 x 0,2) cm, sẹo liền: 6%.

- Đứt gân duỗi ngón III, IV, V bàn tay phải đã khâu nối ảnh hưởng đến động tác duỗi ngón tay mức độ nhiều: 5%.

- Gãy xương đốt gần ngón III bàn tay phải: 2%.

- Gãy đầu gần xương bàn IV và V bàn tay phải, hạn chế ít đến chức năng bàn tay: 8%.

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Đ Thị C là: 19% *(Mười chín phần trăm).* Áp dụng phương pháp cộng lùi theo thông tư 20/2014/TT-BYT.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 19/2019/TgT ngày 25/01/2019 của T tâm Pháp Y Tỉnh Gia Lai đối với Đ Thị V xác định:

- Ba sẹo vết thương phần mềm ảnh hưởng đến thẩm mỹ: Một vết mặt sau cổ mu bàn tay trái kích thước (8x0,1)cm, sẹo nhăn nhúm, dính tổ chức bên dưới; Một vết mặt mu bàn tay trái từ gốc xương bàn II đến đốt gần ngón V kích thước (9 x 0,1) cm, sẹo dính tổ chức bên dưới và một vết mặt mu đốt I ngón III bàn tay trái kích thước (4,5 x 0,1) cm, sẹo liền: 6%.

- Bốn sẹo vết thương phần mềm: Một vết vùng chẩm kích thước (7 x 0,3)cm; Một vết mặt ngoài sau 1/3 trên xương cánh tay trái hình vòng cung kích thước (6 x 0,4)cm; Một vết mặt trong cổ tay trái kích thước (2 x 0,2) cm, sẹo mờ và một vết mặt ngoài 1/3 giữa đùi trái kích thước (7,5 x 0,5) cm, sẹo liền: 9%.

- Gãy đốt gần ngón V bàn tay trái: 2%.

- Đứt gân duỗi dài các ngón, gân duỗi cổ tay trụ, gân duỗi cổ tay quay tay trái, đã khâu nối, ảnh hưởng đến động tác duỗi ngón tay ở mức độ nhiều: 5%.

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Đ Thị V là: 20% *(Hai mươi phần trăm).* Áp dụng phương pháp cộng lùi theo thông tư 20/2014/TT-BYT.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại đều không có ý kiến gì về các bản Kết luận giám định nói trên.

Riêng ông Đ Văn N là người bị Đ kéo ngã gây ra vết thương phần mềm vùng trán, phải điều trị tại 07 ngày thì khỏi (ra viện ngày 16/11/2018). Ông N thấy chỉ bị thương nhẹ nên đã từ chối giám định và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 3.700.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông N được 200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 25/CTr-VKS ngày 05/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đ Văn Đ về tội: "***Cố ý gây thương tích***" theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền Cng tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ Văn Đ phạm tội "*Cố ý gây thương tích";*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ Văn Đ từ 04 năm 6 tháng đến 04 năm 9 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Đ Thị V số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Buộc bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Đ Thị C số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Buộc bị cáo Đ Văn Đ phải bồi thường cho ông Đ Văn N số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế dài 48 cm, cán bằng gỗ 2 đầu bọc kim loại dài 15cm; lưỡi dao bằng kim loại chiều dài 33cm, mũi nhọn phần rộng nhất của lưỡi dao 4,5cm.

Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn miễn án phí có xác nhận của Chính quyền địa phương do đó căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 của

UBTVQH đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Thành T nhất trí với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đưa ra là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, cụ thể chị V được bồi thường với số tiền là 19.000.000 đồng; chị C được bồi thường với số tiền 15.000.000 đồng và ông N số tiền 200.000 đồng. Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bên cạnh đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, lại sống trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, đây là lần đầu bị cáo phạm tội. Hành vi phạm tội trên của bị cáo là bộc phát nhất thời, mang tính bản năng chứ không nhằm mục đích gì cả. Bị cáo là lao động chính trong gia đình và cha, mẹ đều là người có Cng với cách mạng (tại phiên tòa, người bào chữa đã cung cấp bản phô tô sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng của ông A Doang và bà Y Dan). Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo với mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ Văn Đ đồng ý tiếp tục bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể: Bồi thường cho bị hại V là 6.000.000 đồng, bị hại C là 3.000.000 đồng và ông N là 3.500.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại ông Huỳnh Văn K trình bày: Thống nhất với lời luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, giữa các bị hại, ông N và bị cáo không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã có hành vi gây thương tích cho họ, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Tôi không đồng ý với mức hình phạt dưới khung (áp dụng Điều 54) mà Kiểm sát viên đã đưa ra là quá nhẹ. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo trên mức của đầu khung hình phạt mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đ Văn Đ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Đ Thị V số tiền 6.000.000 đồng; Đ Thị C số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không tranh luận gì với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại.

Bị cáo Đ Văn Đ đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được hòa nhập cùng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Cng an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Đ Văn Đ phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Cng an huyện Kbang, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 19 giờ ngày 09/11/2018 tại nhà Đ Văn Chi, sau khi đã uống nhiều rượu, Đ to tiếng gây sự với vợ và đập đĩa thức ăn xuống nền nhà. Khi ông N sang hỏi chuyện thì bị Đ cầm cổ áo kéo làm ông N bị ngã úp mặt xuống nền nhà bị chấn thương phần mềm ở trán. Sau đó ông N kể lại sự việc cho bà Đ Thị L và Đ Thị V nghe, bà Liên và chị V đi tìm Đ để hỏi chuyện. Đ nghe xong cho rằng chị V nói sẽ gọi người đánh mình, nên Đ về nhà lấy 01 con dao nhọn cầm trên tay với mục đích nếu có ai đánh mình thì sẽ dùng dao chém. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ thấy chị V đang ngồi ở sàn gỗ trước cửa nhà chị Đ Thị P, Đ đã đi đến và đứng ở phía sau lưng chị V rồi dùng dao chém chị V 04 nhát vào đầu, mu bàn tay trái, cẳng tay trái và đùi phải gây thương tích 20% (*hai mươi phần trăm*). Khi chị C chạy vào can ngăn thì bị Đ chém 02 nhát trúng vào mu bàn phải và lòng bàn tay phải gây thương tích 19% (*mười chín phần trăm*).

Hành vi của bị cáo Đ cố ý dùng dao chém đã gây ra tổn hại sức khỏe cho chị Đ Thị V là 20% và chị Đ Thị C là 19%. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể bị cáo gây ra cho các bị hại V là 20%, C là 19% *(từ 11% đến 30% thuộc khoản 1 Điều 134 BLHS)*, nhưng do bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, giữa bị cáo và các bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau, chỉ vì do bản tính côn đồ, hung hăng coi thường sức khỏe của người khác mà bị cáo đã dùng dao để gây thương tích cho 02 người, phạm tội có tính chất Cn đồ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Đây là hai tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang truy tố bị cáo Đ Văn Đ về tội danh và hình phạt theo điều luật trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường

khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại và các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bên cạnh đó thì bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp lại sống trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ hiểu pháp luật còn hạn chế nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đã cung cấp bản phô tô sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng của ông A Doang và bà Y Dan và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là cha, mẹ đều là người có Cng với cách mạng. Xét văn bản mà người bào chữa cung cấp là bản photo không có giá trị pháp lý và sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng mang tên ông A D và bà Y D không đúng với tên cha, mẹ trong lý lịch của bị cáo; không thể hiện cha, mẹ bị cáo là người có Cng với cách mạng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về nhân thân: Bị cáo Đ Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến sức khoẻ của người khác một cách trái pháp luật, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo Đ Văn Đ ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo thành người Cng dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

[5] Liên quan trong vụ án có ông Đ Văn N, cũng là người bị Đ dùng tay kéo ngã gây thương tích nhưng ông N thấy chỉ bị thương nhẹ nên đã từ chối giám định, không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong toàn bộ quá trình điều tra và quá trình giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử đưa ông N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường thiệt hại là bị cáo phải bồi thường cho chị V là 32.000.000 đồng, bồi thường cho chị C là 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị V được 19.000.000 đồng, chị C được 15.000.000 đồng nên bị hại Đ Thị V chỉ yêu cầu bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường số tiền 6.000.000 đồng; bị hại Đ Thị C chỉ yêu cầu bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 3.700.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền

là 200.000 đồng, nên ông N yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường và không có ý kiến gì thêm.

Xét yêu cầu của chị V, chị C và ông N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đ Thị L (vợ của bị cáo), chị L đã cùng bị cáo bồi thường các khoản tiền cho các bị hại và ông N theo yêu cầu, chị L trình bày là đây là tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền chị đã bồi thường thay cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng gồm 01 (một) con dao tự chế dài 48 cm, cán bằng gỗ 2 đầu bọc kim loại dài 15cm; lưỡi dao bằng kim loại chiều dài 33cm, mũi nhọn phần rộng nhất của lưỡi dao 4,5cm là Công cụ mà bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Đ Văn Đ là người đồng bào dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống trên địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn toàn bộ tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Do vậy, cần tuyên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đ Văn Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đ Văn Đ phạm tội "***Cố ý gây thương tích***".

[2] Về điều luật: Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đ Văn Đ **04** *(bốn)* năm **6** *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 27/3/2019.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 590; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường cho chị Đ Thị V số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Buộc bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường cho chị Đ Thị C số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Buộc bị cáo Đ Văn Đ phải tiếp tục bồi thường cho ông Đ Văn N số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế dài 48 cm, cán bằng gỗ 2 đầu bọc kim loại dài 15cm; lưỡi dao bằng kim loại chiều dài 33cm, mũi nhọn phần rộng nhất của lưỡi dao 4,5cm.

(Đặc điểm nhận dạng như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Cng an huyện Kbang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đ Văn Đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/10/2019) bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông N) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Cng an huyện Kbang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Người bảo vệ QVLI của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc